

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LONG BIÊN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **16/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 05/3/2018

V/v: *Tranh chấp ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thanh Phương**

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Tạ Đức Minh**

2. Ông **Đỗ Ngọc Đức**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Thạch Thị Hằng** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Thúy Hà** – Kiểm sát viên.

Ngày 05/03/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 752/2017/TLST- HNGĐ ngày 05/12/2017 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 05/02/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/QĐST-HNGĐ ngày 13/02/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị H**, sinh năm 1987; Hộ khẩu thường trú: Số nhà A, ngõ V phố N, tổ Z phường N, quận Long Biên, thành phố Hà Nội; trú tại: Số nhà C, ngõ B phố A, phường B, quận Long Biên, thành phố Hà Nội. (Có mặt)

Bị đơn: Anh **Vũ Đình T**, sinh năm 1980; Hộ khẩu thường trú; trú tại: Số nhà A, ngõ V phố N, tổ Z phường N, quận Long Biên, thành phố Hà Nội. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – chị Phạm Thị H trình bày:

Chị và anh Vũ Đình T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 22/10/2008 tại UBND phường Ngọc Lâm, quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, anh chị về chung sống tại địa chỉ Số nhà A, ngõ V phố N, tổ Z phường N, quận Long Biên, thành phố Hà Nội là nhà của bố mẹ anh T. Anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do anh T nghiện ma túy, không tu chí làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình và vợ con. Chị và gia đình đã nhiều lần khuyên ngăn, động viên anh T cai nghiện nhưng anh T không cai được. Năm 2015, anh T bị bắt về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, quan hệ vợ chồng ngày càng căng thẳng, cuộc sống vô cùng mệt mỏi và bế tắc. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Từ tháng 09/2017, anh T đuổi chị ra ngoài sinh sống. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung là: Cháu Vũ T M, sinh ngày 28/9/2010. Hiện cháu M đang ở cùng gia đình anh T. Chị đề nghị Tòa án xử cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung vì chị có đủ điều kiện kinh tế để chăm sóc tốt cho cháu Minh. Bản thân anh T nghiện ma túy nhiều năm, không có khả năng kinh tế, bố mẹ anh T tuổi đã cao nên không thể chăm sóc cháu Minh. Chị không yêu cầu anh T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị đang làm tại Công ty cổ phần du lịch và tiếp thị giao thông vận tải Việt Nam-Vietravel. Mức thu nhập bình quân hàng tháng của chị là 15.000.000đồng/tháng (Mười lăm triệu đồng/01 tháng)

- Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại Tòa án, bị đơn – anh Vũ Đình T trình bày:

Về điều kiện, thủ tục kết hôn đúng như chị H khai. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh sống chung cùng bố mẹ và em gái anh tại địa chỉ số 5 ngõ 298 phố Ngọc Lâm, phường Ngọc Lâm, quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Chị H là người sống có trách nhiệm, biết quan tâm đến gia đình và chồng con, không có điều gì phải chê trách. Từ năm 2012, anh và chị H bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do anh nghiện ma túy. Từ năm 2012 đến 2014, anh đi cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm cai nghiện số 6 huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, thời hạn 24 tháng. Tháng 02/2014, anh T cai nghiện xong về sống tại địa phương. Tháng 08/2014, anh tái nghiện và bị bắt và xử về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy nhưng được xử miễn trách nhiệm hình sự. Do bản thân anh nghiện ma túy khiến chị H phải suy nghĩ nhiều, không thể chia sẻ với ai dẫn đến bị

stress và suy nhược thần kinh. Từ tháng 03/2016, anh chị sống ly thân, chấm dứt quan hệ sinh lý. Từ tháng 09/2017, chị H chuyển ra ngoài sinh sống.

Trước yêu cầu xin ly hôn của chị H, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý ly hôn để mỗi người tự ổn định cuộc sống của mình.

- **Về con chung:** Anh chị có 01 con chung là: Cháu Vũ Tuấn M, sinh ngày 28/9/2010. Hiện cháu Minh đang ở cùng gia đình anh. Anh có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu chị H đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại, anh làm nghề tự do, mức thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 10.000.000 đồng/tháng (Mười triệu đồng/1 tháng).

- **Về tài sản chung:** Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về công nợ:** Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị H vẫn giữ ý kiến như đã trình bày, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Về con chung: Chị đề nghị Tòa án cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Tuấn M, không yêu cầu anh T phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Chị tự nguyện chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tại phiên tòa phát biểu ý kiến:

- **Về tố tụng:** Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn- anh Vũ Đình T đã được triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa đến lần thứ hai vẫn vắng mặt, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- **Về nội dung:**

Về quan hệ hôn nhân: Mâu thuẫn vợ chồng anh T và chị H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị H có đơn xin ly hôn anh T. Mặc dù vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong các lời khai tại Tòa án, anh T cũng đồng ý ly hôn với chị H. Đề nghị Tòa án xử cho chị H được ly hôn với anh T.

Về con chung: Xét điều kiện của anh T và chị H: chị H có công việc, thu nhập ổn định. Anh T là đối tượng nghiện ma túy, không có nghề nghiệp, đã bị đi cai nghiện bắt buộc 24 tháng và có một tiền án về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Vũ Tuấn M, sinh ngày

28/9/2010 cho chị H được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Do chị H không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử tạm hoãn việc đóng góp tiền cấp dưỡng cho con đối với anh T cho đến khi cháu Minh đủ 18 tuổi hoặc có quyết định khác của pháp luật.

Về tài sản chung, công nợ: Chị H và anh T cùng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại thời điểm chị H nộp đơn khởi kiện tranh chấp ly hôn đối với bị đơn là anh Vũ Đình T, anh T cư trú tại địa chỉ: Số nhà 5, ngõ 298 phố Ngọc Lâm, tổ 19 phường Ngọc Lâm, quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Do đó, TAND quận Long Biên, thành phố Hà Nội thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo lãnh thổ và loại việc quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Vũ Đình T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vắng mặt. Hội đồng xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Vũ Đình T kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 22/10/2008 tại UBND phường Ngọc Lâm, quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh T và chị H chung sống hạnh phúc được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do anh T nghiện ma túy, không tu chí làm ăn, sống không có trách nhiệm với gia đình và vợ con. Chị H và gia đình đã nhiều lần khuyên ngăn, động viên anh T cai nghiện nhưng anh T vẫn không từ bỏ được ma túy. Từ năm 2012 đến 2014, anh T bị buộc đi cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm cai nghiện số 6 huyện Sóc Sơn, thời hạn 24 tháng. Tháng 08/2014, anh T tái nghiện và bị bắt về tội tàng trữ trái phép chất ma túy (bị Tòa án nhân dân quận Long Biên và Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội tuyên bố về tội tàng trữ trái phép chất ma túy tại Bản án hình sự sơ thẩm số 178/2015/HSST ngày 25/9/2015 và Bản án hình sự phúc thẩm số 767/HSPT ngày 15/12/2015).

Anh chị sống ly thân từ năm 2015 và từ tháng 09/2017, chị H thuê nhà bên ngoài sinh sống, mẫu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng hơn. Nguyên vọng của chị H xin được ly hôn với anh T. Tại Tòa án, anh T cũng có lời khai tại Tòa án đồng ý ly hôn với chị H vì cả hai cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc anh chị cùng đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ và phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh T và chị H có 01 con chung là: Cháu Vũ Tuấn M, sinh ngày 28/9/2010. Chị H và anh T cùng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu bên kia đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Tòa án đã yêu cầu chị H và anh T cung cấp tài liệu chứng cứ để chứng minh khả năng và điều kiện nuôi con nhưng chỉ có chị H cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Anh T không cung cấp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu. Căn cứ tài liệu chứng cứ do chị H xuất trình, kết quả thu thập chứng cứ, xét điều kiện, khả năng nuôi con của mỗi bên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị H đang làm tại Công ty cổ phần du lịch và tiếp thị giao thông vận tải Việt Nam-Vietravel. Mức thu nhập bình quân là 15.000.000 đồng/1 tháng (Mười lăm triệu đồng một tháng). Về nhà ở, chị H hiện đang thuê nhà tại địa chỉ số nhà 3C ngõ 144 phố Ái Mộ, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Chị H đã cung cấp cho Tòa án hợp đồng thuê nhà ở, hợp đồng lao động và xác nhận thu nhập của Công ty nơi chị H làm việc. Ngoài ra, chị H còn nộp các hoá đơn thu học phí của trường học thể hiện chị là người đóng tiền học hàng tháng cho cháu Minh. Về phía anh T: Bản thân anh T là người nghiện ma túy nhiều năm, đã bị buộc đi cai nghiện bắt buộc 24 tháng và có một tiền án về tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Anh T khai hiện anh đang làm nghề tự do, mức thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 10.000.000 đồng/tháng (Mười triệu đồng một tháng) nhưng không cung cấp được bất kỳ tài liệu chứng cứ để chứng minh.

Mặt khác, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của chị Vũ Thị Hằng Nga là em gái của anh Vũ Đình T, chị Nga có cung cấp: Cháu Minh hiện đang sống cùng chị, anh T và bố mẹ chị tại số 5 ngõ 298 phố Ngọc Lâm, quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Chị H mặc dù không sống cùng cháu Minh nhưng hàng ngày vẫn đến thăm con và hàng tháng vẫn đóng học cho con. Anh T anh trai chị là người nghiện ma túy nhiều năm, không có công ăn việc làm nên không có khả năng nuôi con. Cháu Minh hiện nay còn nhỏ rất cần sự chăm sóc của người mẹ.

Chị đề nghị Tòa án giao cháu Minh cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo sự phát triển bình thường về thể chất, tinh thần cho cháu.

Kết quả xác minh tại địa phương nơi anh T và chị H chung sống, thể hiện: Anh Vũ Đình T có vợ là chị Phạm Thị H. Khoảng gần một năm nay, anh T và chị H không chung sống với nhau nữa, chị H đã chuyển ra ngoài sinh sống. Anh T là đối tượng nghiện ma túy, từng đi cai nghiện một lần 24 tháng và có 01 tiền án về ma túy. Anh T không có công ăn việc làm, bố mẹ anh T đã trên 60 tuổi, không có lương hưu, kinh tế gia đình chủ yếu phụ thuộc vào cửa hàng may của em gái anh T là chị Nga. Anh em anh T không có mâu thuẫn gì. Thời gian anh T và chị H sống với nhau, toàn bộ chi phí sinh hoạt gia đình, đóng học cho con đều do chị H đảm nhận.

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc giao con cho bố hoặc mẹ trực tiếp nuôi dưỡng phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Xét điều kiện và khả năng nuôi con của chị H tốt hơn anh T. Mặt khác, tại Tòa án, cháu Minh có nguyện vọng được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử xét quyết định giao cháu Vũ Tuấn M cho chị Phạm Thị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nhằm đảm bảo quyền lợi về vật chất và tinh thần cho trẻ. Do chị H không có yêu cầu nên tạm hoãn việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con đối với anh T cho đến khi cháu Minh đủ 18 tuổi hoặc có quyết định khác của pháp luật.

[4] Về tài sản chung và công nợ: Do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147; khoản 1 điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Phạm Thị H đối với anh Vũ Đình T và xử như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H được ly hôn với anh Vũ Đình T

2. Về con chung:

Xác định chị Phạm Thị H và anh Vũ Đình T có 01 con chung là: Cháu Vũ Tuấn M, sinh ngày 28/9/2010.

Giao cháu Vũ Tuấn M cho chị Phạm Thị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con đối với anh Vũ Đình T cho đến khi cháu Vũ Tuấn M đủ 18 tuổi hoặc có quyết định khác của pháp luật.

Anh Vũ Đình T được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Toà án không giải quyết.

4. Về công nợ: Toà án không giải quyết.

5. Án phí: Chị Phạm Thị H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai số 6317 ngày 05/12/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, chị Phạm Thị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, anh Vũ Đình T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Long Biên;
- Chi cục THADS quận Long Biên,
- UBND phường Ngọc Lâm, quận Long Biên, TP Hà Nội (Nơi đăng ký kết hôn ngày 22/10/2008)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Phương